

Bài 2

SUY LUẬN MÔ TẢ



Vũ Thành Tự Anh
Trưởng Chính sách công và Quản lý Fulbright

Nội dung trình bày



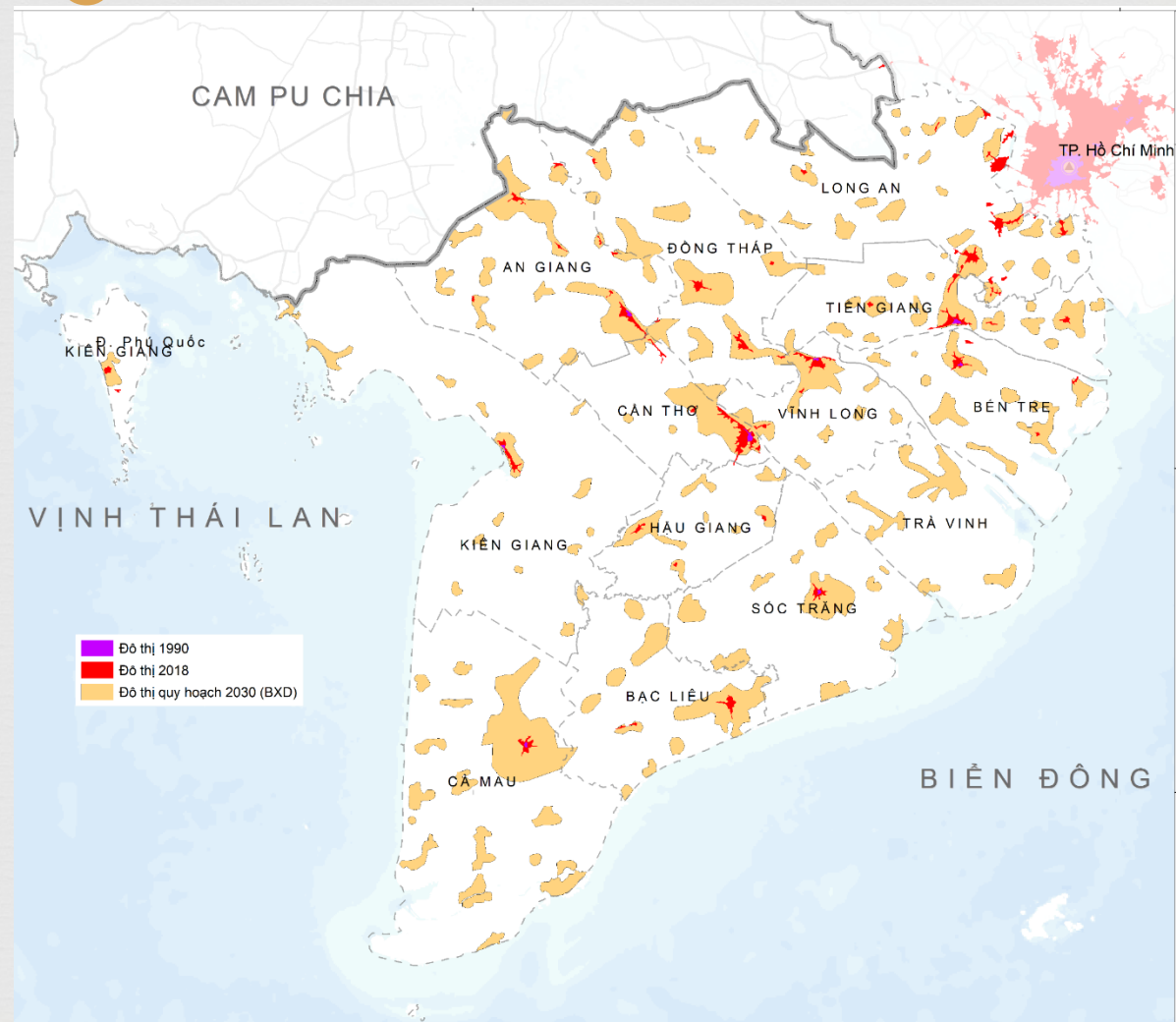
- ❧ Ví dụ về mô tả và suy luận mô tả
- ❧ Mô tả trong nghiên cứu khoa học
- ❧ Diễn dịch / diễn giải
- ❧ Suy luận mô tả
- ❧ Những biểu hiện có thể quan sát
- ❧ Tiêu chí đánh giá suy luận mô tả

Ví dụ về mô tả và suy luận mô tả

Phát triển hệ thống đô thị ở ĐBSCL

❧ **Vấn đề:** Diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch xây dựng đô thị đến 2020 của các địa phương lên đến 5.900 km², gấp khoảng 13 lần hiện trạng.

TT	Loại đô thị	Số lượng đô thị (2012)	Số lượng đô thị (2015)	Số lượng đô thị (2020)	Số lượng đô thị (2025) - dự báo
	Tổng số đô thị	146	161	174	200
1	Đô thị loại I	1	1	3	6
2	Đô thị loại II	2	7	12	10
3	Đô thị loại III	12	10	9	14
4	Đô thị loại IV	10	22	23	67
5	Đô thị loại V	121	121	128	102



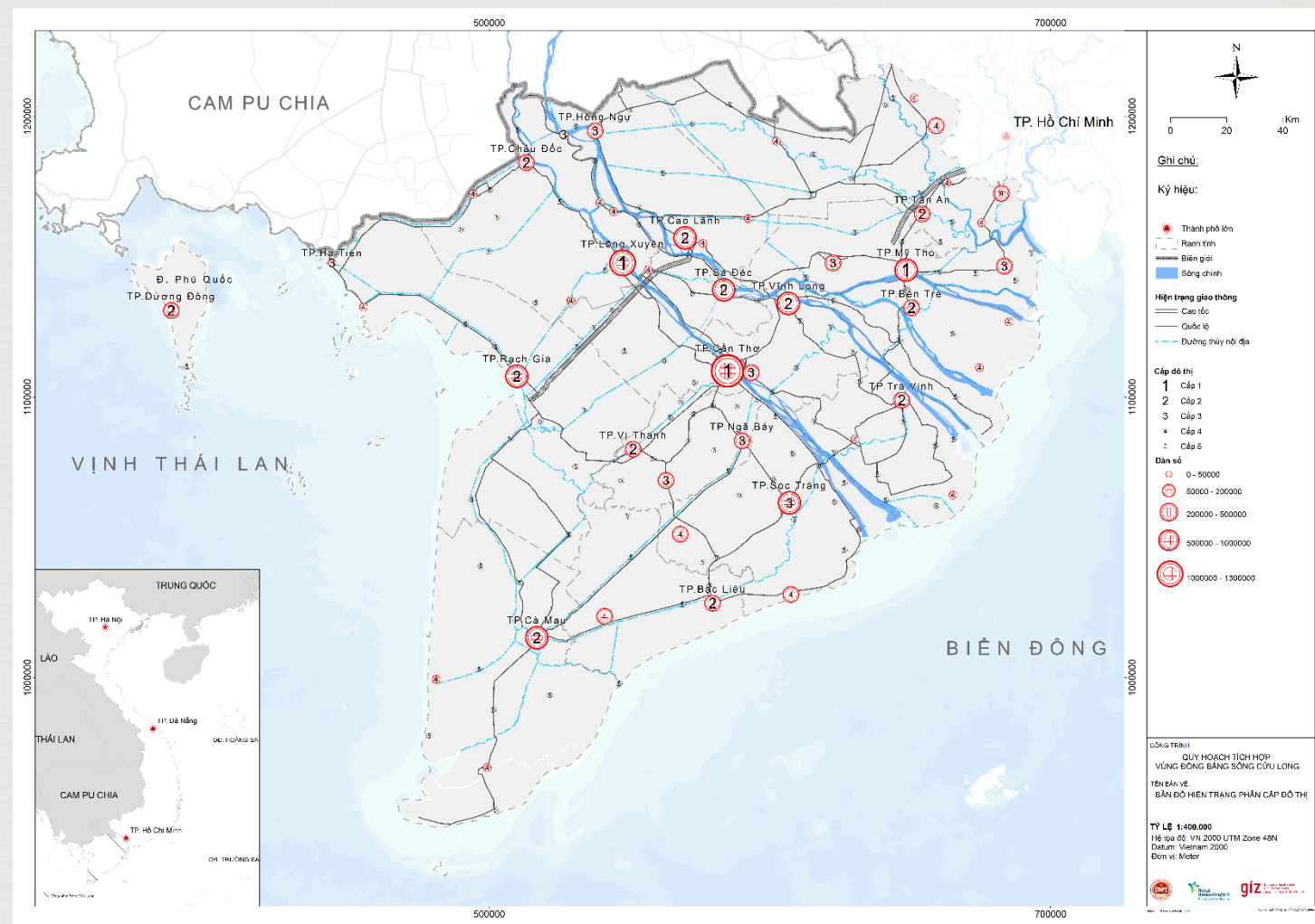
Nguồn: Nghiên cứu QH vùng ĐBSCL

Ví dụ về mô tả và suy luận mô tả

Mô tả cấu trúc hệ thống đô thị ở ĐBSCL

- ☞ *Hệ thống đô thị phân tán* theo cấu trúc dân cư và hoạt động nông nghiệp.
- ☞ *Hệ thống đô thị có tính hành chính* - Tổng cộng 174 đô thị, trong đó có:
 - ☞ 1 TP trung tâm vùng
 - ☞ 12 TP trung tâm tỉnh lỵ, cách nhau từ 60 – 80km;
 - ☞ 17 TP-TX trung tâm cấp khu vực, cách nhau khoảng 30km
 - ☞ 144 thị trấn là trung tâm cấp huyện và cụm xã.

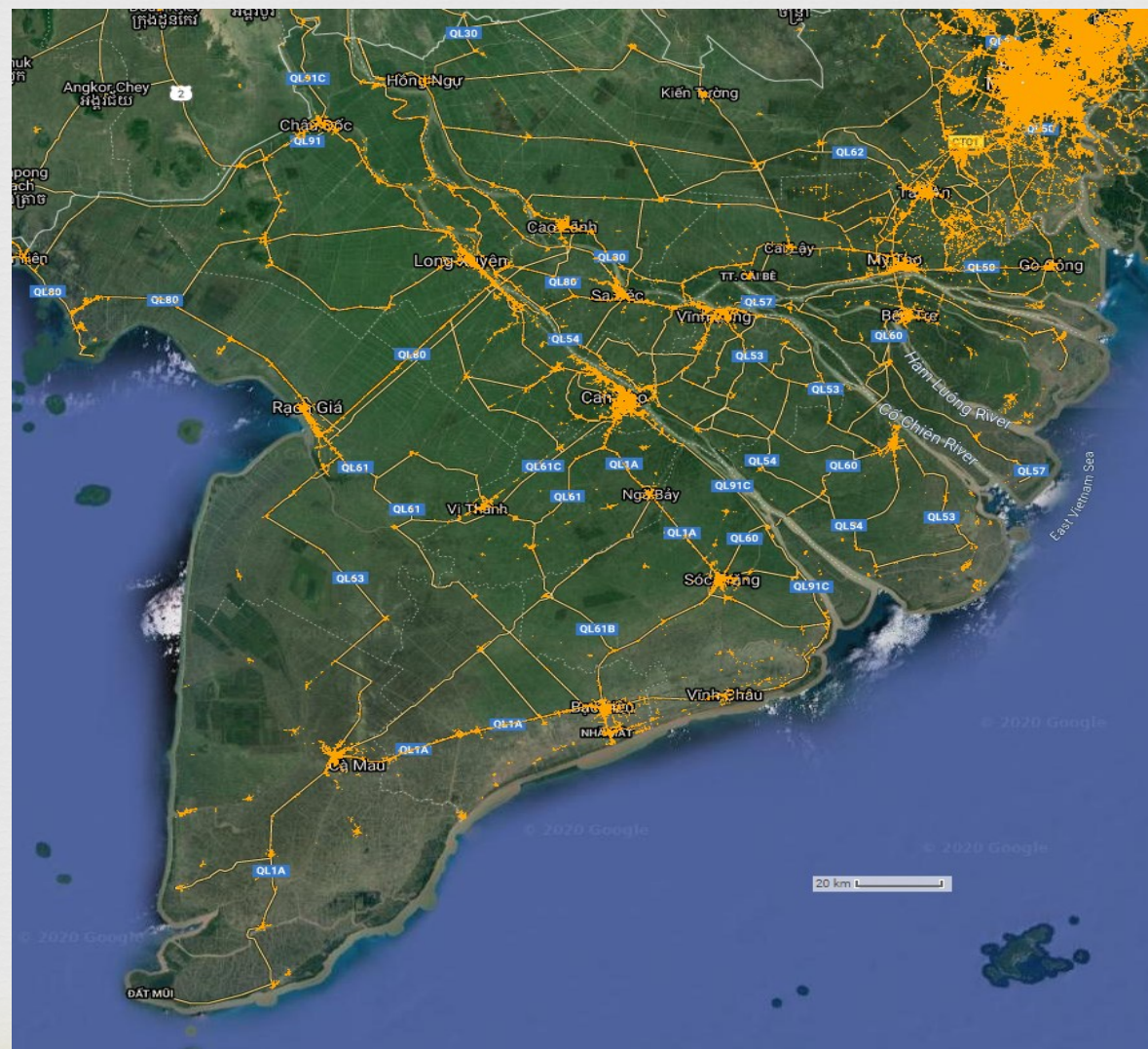
Nguồn: Nghiên cứu QH vùng ĐBSCL



Ví dụ về mô tả và suy luận mô tả

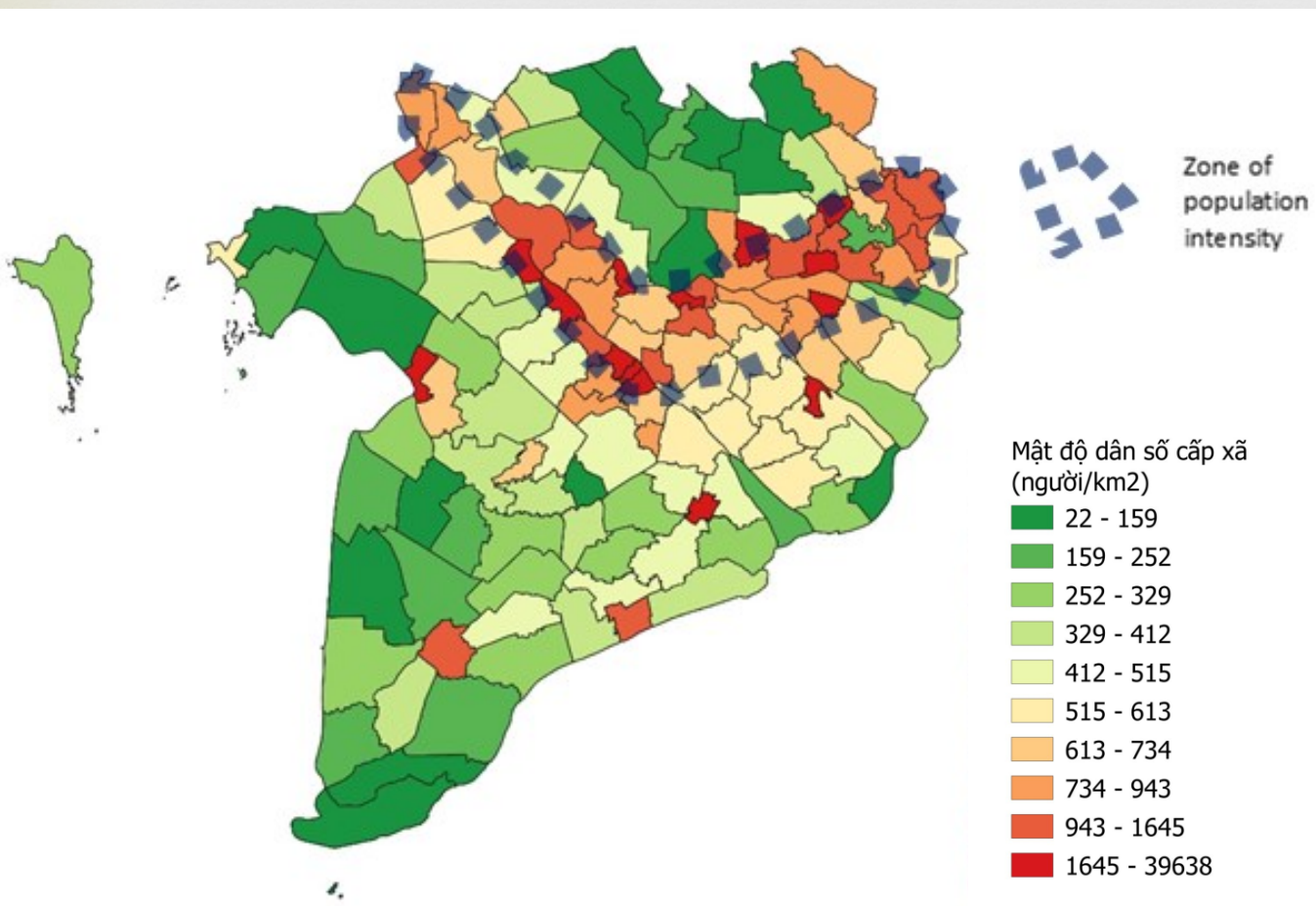
Mô tả cấu trúc hệ thống đô thị ở ĐBSCL

- ❧ *Hệ thống đô thị phân tán* theo cấu trúc dân cư và hoạt động nông nghiệp.
- ❧ *Hệ thống đô thị có tính hành chính* - Tổng cộng 174 đô thị, trong đó có:
 - ❧ 1 TP trung tâm vùng
 - ❧ 12 TP trung tâm tỉnh lỵ, cách nhau từ 60 – 80km;
 - ❧ 17 TP-TX trung tâm cấp khu vực, cách nhau khoảng 30km
 - ❧ 144 thị trấn là trung tâm cấp huyện và cụm xã.

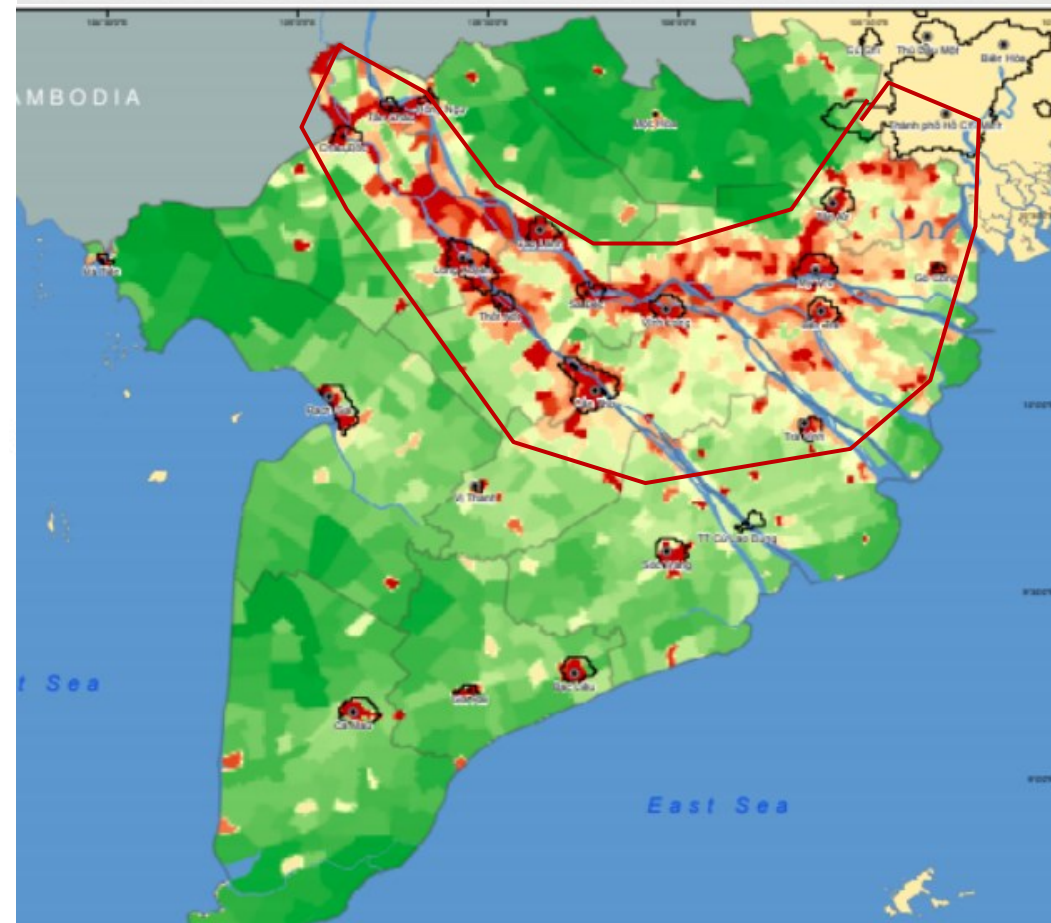


Ví dụ về mô tả và suy luận mô tả

Giả thuyết về vành đai động lực và hành lang liên kết liên vùng



Phân bố mật độ dân cư hiện trạng cấp huyện



Phân bố mật độ dân cư hiện trạng cấp xã

Nguồn: Nghiên cứu QH vùng ĐBSCL

Mô tả trong khoa học xã hội



- ❧ Hai **mục đích** chính của nghiên cứu khoa học xã hội (cả định tính và định lượng) là **mô tả** và **giải thích**
 - ❧ Mô tả thường đi trước, là tiền đề cho giải thích
 - ❧ Mô tả và giải thích có mối quan hệ tương hỗ
 - ❧ Mô tả có giá trị cao nhất khi gắn với giải thích quan hệ nhân quả
- ❧ **Nhiệm vụ của mô tả**
 - ❧ *Phân biệt* giữa dữ kiện hệ thống và phi hệ thống
 - ❧ *Chọn lọc* giữa dữ kiện liên quan và không liên quan
 - ❧ *Phục vụ suy luận*: suy luận về những dữ kiện không được quan sát từ những dữ kiện quan sát được

Một số loại hình mô tả chính



- ❧ **Mô thức** (pattern) của các hiện tượng (kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, tôn giáo v.v.)
- ❧ **Ghi nhận** (account) các sự kiện hay tập hợp sự kiện cũng như mối quan hệ giữa chúng
- ❧ **Chỉ báo** (indicator) về một hay một số đặc tính của đối tượng được quan sát và thay đổi của nó theo thời gian trong mối tương quan với các phương diện phân tích khác
- ❧ **Liên kết** (association) các cấu phần/đặc tính của một sự kiện/hiện tượng
- ❧ **Tổng hợp** (synthesis) các sự kiện/hiện tượng đơn lẻ và đa dạng thành một lý thuyết hoặc hệ thống
- ❧ **Phân loại** (typology) các sự kiện/hiện tượng/đặc tính thành các nhóm sao cho có sự khác biệt rõ rệt giữa các nhóm và tương đồng đáng kể trong nội bộ nhóm

Diễn giải và suy luận (1)



❧ Diễn giải (interpretation):

- ❧ Tóm tắt chính xác, có hệ thống các chi tiết lịch sử có liên quan
- ❧ Đặt sự kiện được mô tả vào bối cảnh, từ đó ý nghĩa của các hành động trở nên có thể lý giải
- ❧ Người theo trường phái diễn giải tìm cách *giải thích lý do* của những hành động có chủ ý trong mối quan hệ với *toàn bộ* các khái niệm và thực tiễn gắn liền với hành động đó
- ❧ Chỉ khi *am hiểu văn hóa* sâu sắc và *hiểu biết đủ về chủ đề* thì nhà nghiên cứu mới có thể đặt *câu hỏi đúng* và xây dựng các *giả thuyết hữu ích*

Diễn giải và suy luận (1)

Máy mắt hay nháy mắt ?



- ❧ Nếu cô lập đối tượng quan sát, không thể phân biệt ý nghĩa giữa máy mắt và nháy mắt
- ❧ **Máy mắt** là hiện tượng *vật lý* thuần túy
- ❧ **Nháy mắt** là một tín hiệu *truyền thông* một cách chính xác và đặc biệt:
 - ❧ Có dụng ý
 - ❧ Dành riêng cho một người cụ thể
 - ❧ Truyền đạt một thông điệp cụ thể
 - ❧ Dựa vào một quy ước xã hội có sẵn
 - ❧ Nằm ngoài phạm vi liên quan của những người khác

Diễn giải và suy luận (2)



- ❧ Nhà khoa học xã hội nếu chỉ tập trung vào những hành vi *có thể được quan sát* thì sẽ bỏ sót rất nhiều
- ❧ Nhưng làm thế nào để tìm hiểu những gì ta không thể nhìn thấy một cách trực tiếp?
- ❧ Đây chính là giá trị và vai trò của *suy luận* (inference) khoa học: Việc đánh giá độ xác thực của các nhận định dựa vào việc quan sát chỉ có thể được thực hiện thông qua lô-gíc suy luận khoa học.
- ❧ Tương tự như vậy, diễn giải mà không dựa vào nguyên tắc suy luận và lô-gíc sẽ thuần túy mang tính chất cảm tính.

Suy luận mô tả



- ❧ **Suy luận (inference)** là quá trình sử dụng những *dữ kiện đã biết* để tìm hiểu những *dữ kiện chưa biết*.
 - ❧ *Mô tả*: Điều gì đã xảy ra và như thế nào?
 - ❧ *Giải thích*: Nguyên nhân/cơ chế dẫn đến điều này như thế nào?
 - ❧ *Dự báo*: Điều gì sẽ xảy ra?
 - ❧ *Chuẩn tắc*: Điều gì nên xảy ra?
- ❧ *Dữ kiện chưa biết* là chủ đề của câu hỏi nghiên cứu – có thể là lý thuyết hay giả thuyết cần kiểm định
- ❧ *Dữ kiện đã biết* là dữ liệu đầu vào dưới dạng số liệu/quan sát.
 - ❧ Nên sắp xếp các dữ kiện theo *những biểu hiện có thể quan sát* của một *lý thuyết* hay *giả thuyết* nào đó
- ❧ *Lý thuyết và dữ liệu tương tác với nhau*:
 - ❧ Không nhất thiết phải có lý thuyết (giả thuyết) hoàn chỉnh trước khi thu thập dữ liệu
 - ❧ Lý thuyết (giả thuyết) không nhất thiết cố định trong suốt quá trình nghiên cứu

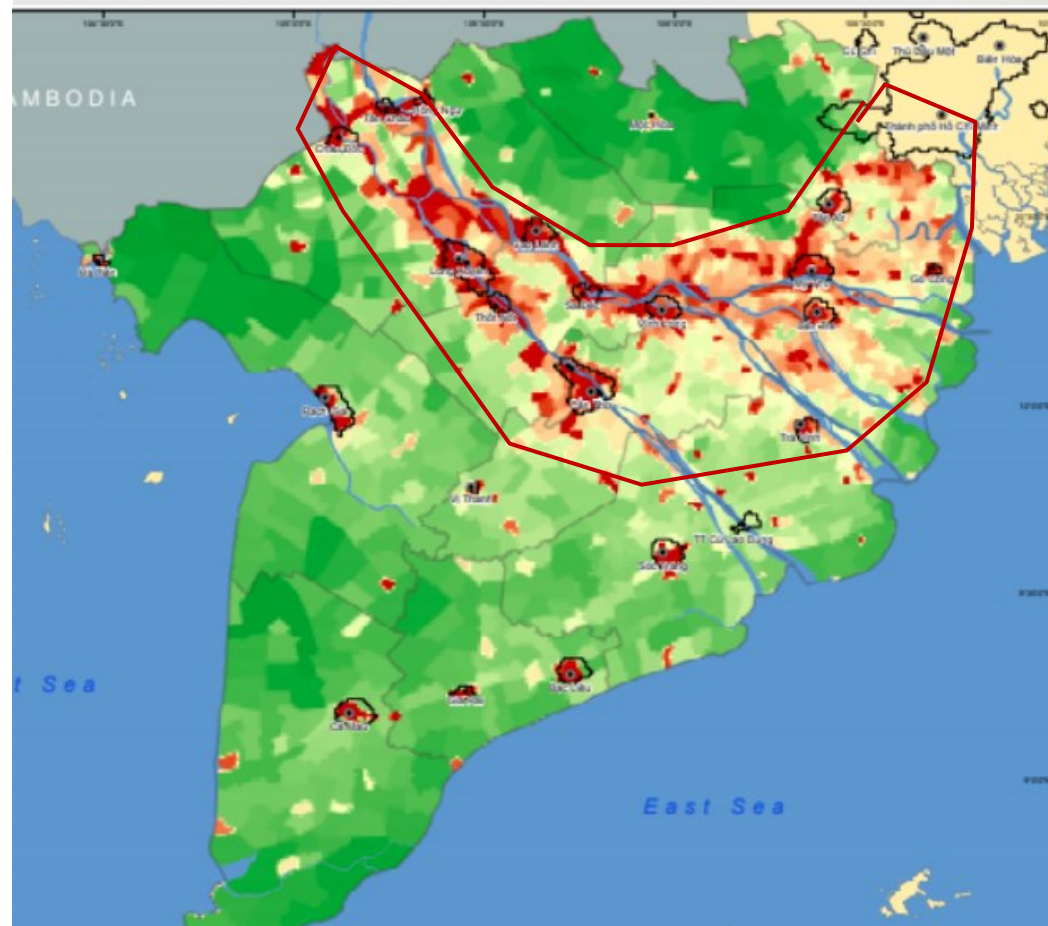
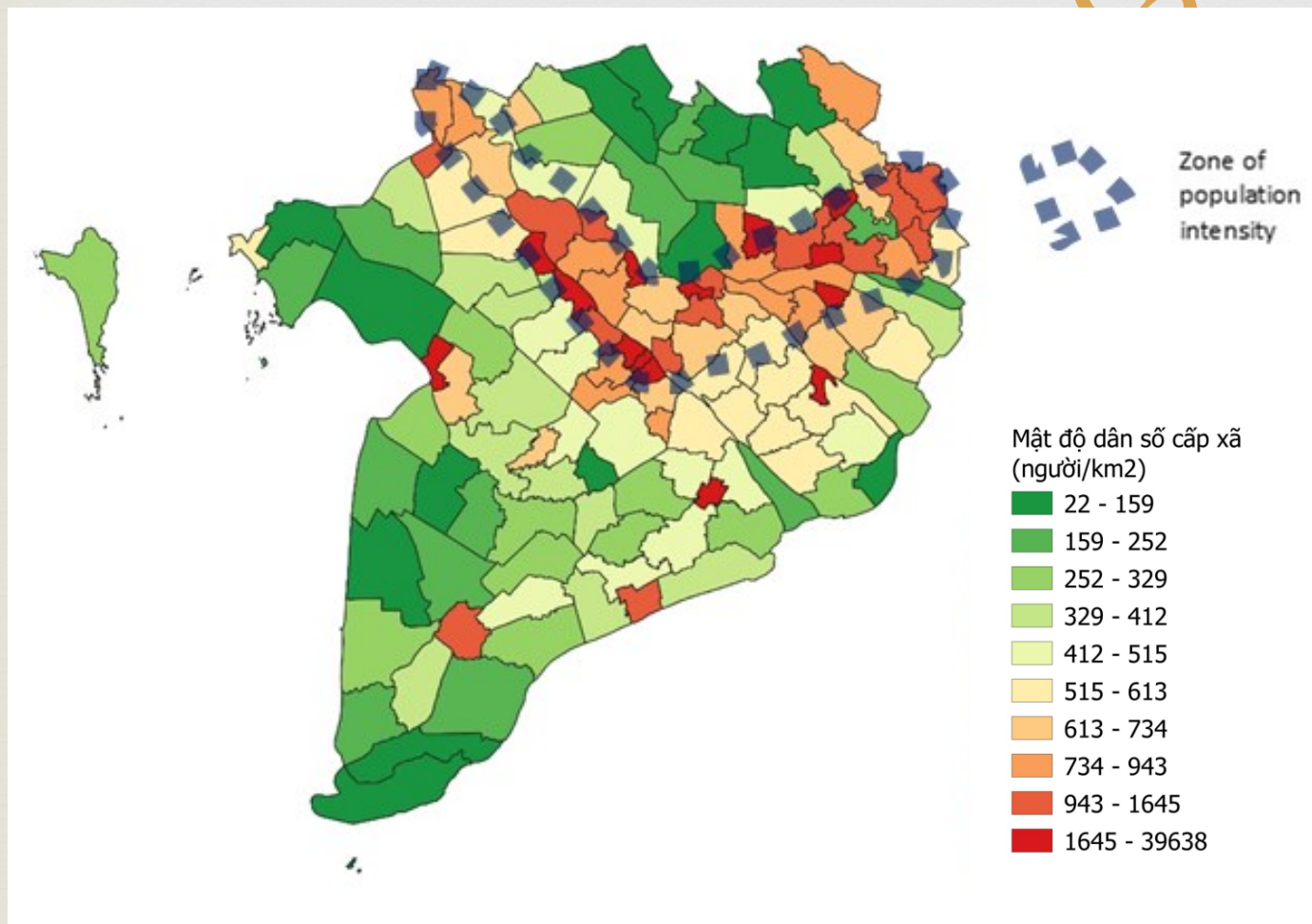
Những biểu hiện có thể quan sát



- ❧ Nếu cách giải thích (lý thuyết, giả thuyết) của tôi là đúng, thì tôi sẽ phải quan sát thấy những biểu hiện gì trong thế giới thực tế?
- ❧ Nếu cách giải thích (lý thuyết, giả thuyết) của tôi là sai, thì tôi sẽ phải quan sát thấy những biểu hiện gì trong thế giới thực tế?
- ❧ Mỗi khi xây dựng một lý thuyết mới hay một giả thuyết mới, ta nên liệt kê mọi biểu hiện của lý thuyết mà trên nguyên tắc có thể quan sát được
- ❧ Dữ liệu nên được sắp xếp dữ liệu theo những biểu hiện có thể quan sát của lý thuyết (giả thuyết)

Ví dụ về mô tả và suy luận mô tả

Giả thuyết về vành đai động lực và hành lang liên kết liên vùng



Nguồn: Nghiên cứu QH vùng ĐBSCL

Nếu giả thuyết là đúng thì chúng ta phải quan sát thấy những biểu hiện nào?

Ví dụ về mô tả và suy luận mô tả

Giả thuyết về vành đai động lực và hành lang liên kết liên vùng

	Dân số đô thị		Tốc độ tăng	Tổng dân số		Tốc độ tăng
	2010	2019		2010	2019	
AN GIANG	640,431	602,570	-0.7%	2,149,457	1,907,401	-1.3%
ĐỒNG THÁP	296,642	304,711	0.3%	1,670,493	1,598,754	-0.5%
CẦN THƠ	791,055	861,274	0.9%	1,199,817	1,235,954	0.3%
VĨNH LONG	157,994	169,780	0.8%	1,026,521	1,022,619	0.0%
TIỀN GIANG	246,590	247,583	0.0%	1,677,986	1,765,962	0.6%
LONG AN	270,458	272,559	0.2%	1,626,239	1,695,150	1.0%
CẢ VÀNH ĐAI ĐÔ THỊ	2,403,170	2,458,477	0.3%	9,350,513	9,225,840	-0.1%
DÂN CƯ ĐÔ THỊ ĐBSCL	3,925,289	4,342,132	1.1%			
CẢ ĐBSCL				17,191,470	17,273,621	0.05%

Tiêu chí đánh giá suy luận mô tả



❧ Tính không thiên lệch (unbiasedness)

- ❧ Mẫu quan sát có tính đại diện [khó với n nhỏ]
- ❧ Không bị sai số đo lường [khó với nghiên cứu định tính]

❧ Tính hiệu quả (efficiency)

- ❧ Tăng quy mô mẫu [khó với n nhỏ]

❧ Tính nhất quán (consistency)

- ❧ Không mâu thuẫn nội tại

Tóm tắt



- ❧ **Diễn giải** và **suy luận mô tả** nếu thực hiện đúng cách sẽ hoàn toàn có tính khoa học.
- ❧ Đối tượng nghiên cứu luôn cần được mô tả cẩn thận
- ❧ Nhà nghiên cứu cần có những hiểu biết sâu sắc về bối cảnh của đối tượng nghiên cứu
- ❧ Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu nên được hình thành dựa vào lý thuyết tổng quát và “có thể sai”
- ❧ Dữ liệu cần thiết để đánh giá những giả thuyết này cần được thu thập một cách cẩn trọng (không thiên lệch, hiệu quả, có hệ thống)
- ❧ Thiết kế nghiên cứu phù hợp để thu thập dữ liệu và kiểm định giả thuyết.